TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quận B, ngày 29 tháng 9 năm 2020*

Số: **372**/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 358/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2020,về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

–Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+Anh Trương Việt A, sinh năm 1979.

+ Chị Nguyễn Lệ T, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Phòng A, Tòa nhà R3 Khu đô thị G, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tình cảm:* Chị Nguyễn Lệ T và anh Trương Việt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2003 tại UBND phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2007 thì chị T và anh A phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cả hai đều thấy hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài đã lâu nhưng chị T – anh Việt A đều không có biện pháp nào khắc phục. Nay hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Lệ T và anh Trương Việt A là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần được ghi nhận.

[2] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Trương Ngọc Bảo C, sinh ngày 16/10/2007 và Trương Ngọc L, sinh ngày 06/9/2013. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận để chị T trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Không có, nên không xét.

[5] *Về lệ phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Lệ T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí công nhận thuận tìnhly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thànhngày 21/9/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Việt A và chị Nguyễn Lệ T.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, giao cả 02 con chung là Trương Ngọc Bảo C, sinh ngày 16/10/2007 và Trương Ngọc L, sinh ngày 06/9/2013 cho chị Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Việt A đến khi chị T có yêu cầu. Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà – đất chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xét.

2/ Về lệ phí: Chị Nguyễn Lệ T tự nguyện chịu cả 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí chịđã nộp theo biên lai số AB/2015/0003812ngày 18/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hà Nội.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Quang Hậu